

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1996.

HKTT: Ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ là nguyên đơn, anh Phạm Văn T là bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, chị Đ và anh T được mai mối rồi tự tìm

hiếu với nhau, đến năm 2012, chị Đ và anh T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB vào ngày 15/12/2014. Hôn nhân của chị Đ và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, anh T không chăm lo gia đình, mà thường xuyên nhậu nhẹt, tụ tập ăn chơi với bạn bè bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, do chị Đ không đồng ý hàn gắn. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Nay, chị Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2013. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị Đ quen biết, tự tìm hiểu với nhau, đến năm 2012, anh T và chị Đ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB vào ngày 15/12/2014. Hôn nhân của chị Đ và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, chị Đ tự ý bỏ đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, do chị Đ không đồng ý hàn gắn. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Nay, anh Phạm Văn T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về con chung: Anh T và chị Đ có con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2013. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Giấy khai sinh của Phạm Nguyễn Quỳnh N (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phạm Văn T cư trú tại Ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Phạm Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, chị Đ và anh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/12/2014, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Nay, chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Phạm Văn T thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2013 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, chị Đ và anh T đều xác định, anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh N từ năm 2018 đến nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa cháu Quỳnh N có nguyện vọng sống chung

với chị Đ. Hơn nữa, cháu Quỳnh N là nữ nên cần giao cho người mẹ nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu Quỳnh N phát triển đầy đủ về mặt tâm sinh lý. Vì vậy, giao con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, chị Đ và anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh T theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đ không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh T đều xác định, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải

cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu.

Chị Đ và anh T có quyền, nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0010296 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị Đ đã nộp đủ tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (Số 221/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên